

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 2069/2021/KDTM-ST

Ngày: 16/11/2021

V/v tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Cao Thị Hiền Lũy

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Hương

2. Bà Nguyễn Thị Lượng

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Võ Cao Hùng - Kiểm sát viên.

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng - Thư ký Tòa án thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

Ngày 16/11/2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 97/2020/TLST-KDTM ngày 31 tháng 12 năm 2020 về việc “Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 3176/2021/QĐXXST-KDTM ngày 02 tháng 6 năm 2021; Quyết định hoãn phiên tòa số 3668/2021/QĐST-DS ngày 25 tháng 6 năm 2021 và Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 4858/2021/QĐXXST-KDTM ngày 26 tháng 10 năm 2021, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Tổng công ty xây dựng A

Trụ sở: số 111A đường P, phường B, Quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trần Mạnh T, sinh năm 1995

Địa chỉ: số nhà 111A đường P, phường B, Quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh.

(có mặt).

Bị đơn: Công ty cổ phần vật tư Q

Trụ sở: số 6/11 Đường X, Khu phố Y, phường L, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Văn Q, sinh năm 1982

Địa chỉ: số nhà 75/13 khu phố B, phường B, thành phố T, tỉnh Bình Dương

(vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 22 tháng 12 năm 2020 của Tổng công ty xây dựng A và lời trình bày của người đại diện theo ủy quyền ông Trần Mạnh T:

Ngày 01/9/2019, Tổng công ty xây dựng A (gọi tắt là Tổng công ty A) và Công ty cổ phần vật tư Q (gọi tắt là công ty Q) ký kết hợp đồng kinh tế số 20-19/HĐXM-QP với nội dung Tổng công ty A đồng ý cung cấp xi măng cho công ty Q, cụ thể chủng loại hàng hóa là Xi măng Fico xá PCB50 công nghiệp, đơn giá 1.330.000 đồng/tấn, số lượng cụ thể theo đơn đặt hàng của Công ty Q, tổng kết khối lượng và xuất hóa đơn vào cuối tháng, phương thức thanh toán trong thời gian 20 ngày kể từ ngày xuất hóa đơn, nếu chậm thanh toán thì phải chịu lãi suất quá hạn 0,67%/tháng trên tổng số tiền chưa thanh toán. Ngoài ra hợp đồng còn quy định phương thức giao nhận hàng và trách nhiệm của mỗi bên.

Thực hiện hợp đồng, từ tháng 10 năm 2019 đến tháng 4 năm 2020 nguyên đơn đã cung cấp cho bị đơn khối lượng xi măng có giá 4.093.324.200 đồng, bị đơn đã thanh toán 3.237.117.700 đồng còn nợ 856.206.500 đồng tiền mua hàng. Đồng thời bị đơn vi phạm về thời hạn thanh toán đối với các hóa đơn ngày 31/10/2019, 30/11/2019, 31/12/2019 và ngày 31/01/2020 nên phát sinh số tiền lãi suất 35.608.372 đồng. Bị đơn đã ký biên bản đối chiếu xác nhận công nợ và cam kết trả nợ nhiều lần nhưng không thực hiện.

Vì vậy nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn thanh toán tổng số tiền 926.675.633 đồng. Trong quá trình Tòa án thụ lý, giải quyết vụ án, phía bị đơn tiếp tục thanh toán số tiền 450.000.000 đồng nên đến nay nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán số tiền nợ 406.206.500 đồng và tiền lãi do chậm thanh toán 98.254.063 đồng.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tổng đạt thông báo thụ lý vụ án, đồng thời triệu tập đại diện Công ty Q đến Tòa án để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải nhưng đại diện công ty vắng mặt.

Tại phiên tòa, nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Bị đơn đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa nhưng vắng mặt. Vì vậy Hội đồng xét xử căn cứ điểm b Khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 tiến hành xét xử vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Tòa án đã thực hiện các trình tự, thủ tục theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, đảm bảo cho các đương sự có các quyền và nghĩa vụ khi tham gia tố tụng.

Về nội dung: đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, sau khi nghe đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức phát biểu quan điểm, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Quan hệ tranh chấp giữa các đương sự là “Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa”, theo quy định tại Khoản 1 Điều 30 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

Căn cứ giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần, mã số doanh nghiệp 0315588064 do Sở kế hoạch và đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cung cấp thì Công ty cổ phần vật tư Q có địa chỉ trụ sở chính tại thành phố Thủ Đức nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại Điểm b Khoản 1 Điều 35; Điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung: Xét, căn cứ lời khai của nguyên đơn phù hợp với hợp đồng kinh tế số 20-19/HĐXM-QP ngày 01/9/2019 có cơ sở xác định giữa nguyên đơn và bị đơn có thỏa thuận về việc mua bán xi măng.

[2.1] Do quá trình Tòa án giải quyết vụ án, bị đơn không giao nộp chứng cứ, không tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải. Tòa án cũng không nhận được văn bản trình bày ý kiến của bị đơn đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Căn cứ các biên bản đối chiếu khối lượng xi măng Fico giao cho Công ty CP vật tư Q và các biên bản bị đơn xác nhận công nợ thể hiện bị đơn đã nhận được khối lượng xi măng theo đơn đặt hàng. Ngày 30/4/2020 bị đơn ký bảng đối chiếu chi tiết công nợ xác nhận còn nợ nguyên đơn 1.406.206.500 đồng tiền hàng và 35.608.372 đồng tiền lãi suất. Tuy nhiên tại đơn khởi kiện và tại phiên tòa đại diện nguyên đơn thừa nhận sau khi ký xác nhận nợ, bị đơn tiếp tục thanh toán nhiều lần nên đến nay số tiền mua hàng bị đơn còn nợ nguyên đơn giảm xuống còn 406.206.500 đồng. Xét thấy phía nguyên đơn đã thực hiện xong nghĩa vụ giao hàng cho bị đơn theo đúng hợp đồng, đến nay bị đơn chưa hoàn thành nghĩa vụ thanh toán giá trị hàng hóa cho nguyên đơn là đã vi phạm mục 2.1 Điều II của hợp đồng kinh tế nên yêu cầu của nguyên đơn là có căn cứ, được chấp nhận.

[2.2] Đối với tiền lãi do chậm thanh toán: Tại mục 2.1 Điều II của Hợp đồng kinh tế ngày 01/9/2019 thỏa thuận mức lãi suất phải trả là 0,67 %/tháng nếu vi phạm thời gian thanh toán. Vì vậy chấp nhận yêu cầu về tiền lãi của nguyên đơn, ngoài số tiền mua hàng thì bị đơn còn phải thanh toán cho nguyên đơn tiền lãi suất 98.254.063 đồng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh đề nghị chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn là phù hợp với quy định của pháp luật.

Án phí sơ thẩm: Do chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn nên bị đơn phải chịu án phí theo quy định tại Khoản 1 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 1 Điều 30; điểm a Khoản 1 Điều 35; Khoản 1 Điều 147; Khoản 1, Khoản 2 Điều 269; Điều 271 và Khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 24; Điều 50; Điều 306 Luật thương mại;

Căn cứ Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (đã sửa đổi, bổ sung năm 2014);

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện “Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa” của Tổng công ty xây dựng A,

Công ty cổ phần vật tư Q có trách nhiệm thanh toán cho Tổng công ty Xây dựng A số tiền 504.460.563 (Năm trăm lẻ bốn triệu bốn trăm sáu mươi ngàn năm trăm sáu ba) đồng, (trong đó tiền mua hàng 406.206.500 đồng và lãi suất do chậm thanh toán 98.254.063 đồng).

Về tiền lãi: Công ty cổ phần vật tư Q phải chịu tiền lãi phát sinh tính từ ngày 17/11/2021 cho đến khi thanh toán toàn bộ số tiền nợ theo thỏa thuận mức lãi suất 0,67%/tháng tại hợp đồng kinh tế số 20-19/HĐXM-QP ngày 01/9/2019.

2. Án phí dân sự sơ thẩm:

- Công ty cổ phần vật tư Q phải chịu 24.178.423 (hai mươi bốn triệu một trăm bảy mươi tám ngàn bốn trăm hai ba) đồng, nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Tổng công ty Xây dựng A được nhận lại số tiền tạm ứng án phí 19.900.134 (mười chín triệu chín trăm ngàn một trăm ba mươi bốn) đồng theo biên lai thu số 0058575 ngày 31/12/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Quyền và thời hạn kháng cáo:

Đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

“Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; 7; 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (đã sửa đổi, bổ sung năm 2014)”.

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM;
- VKSND Tp.Thủ Đức;
- CCTHADS Tp.Thủ Đức;
- Đương sự;
- Lưu: VP, Hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Cao Thị Hiền Lũy